

NGHỊ QUYẾT
Về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia

Vấn đề an ninh lương thực (bao gồm lương thực, thực phẩm) được Đảng và Nhà nước luôn đặc biệt quan tâm, chỉ đạo, nhằm bảo đảm an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đã đạt được những thành tựu quan trọng, nổi bật là:

Sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân 3,7%/năm trong giai đoạn 2001 - 2008, cao hơn khoảng 3 lần tốc độ gia tăng dân số trong cùng thời kỳ. Sản xuất lúa gạo đã đảm bảo nhu cầu trong nước và xuất khẩu bình quân khoảng 4 - 5 triệu tấn gạo/năm. Sản lượng thực phẩm từ rau màu, quả, sản phẩm chăn nuôi và thủy sản cũng gia tăng đáng kể.

Hệ thống lưu thông lương thực đã có nhiều đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân tiếp cận lương thực. Thị trường nội địa chuyển dần sang cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Tình trạng suy dinh dưỡng của người dân được cải thiện. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đã giảm từ 25% vào năm 2005 đến năm 2008 còn 20%, đạt trước mục tiêu kế hoạch của năm 2010.

Tuy đạt được các thành tựu trên, an ninh lương thực nước ta vẫn còn hạn chế, yếu kém là: sản xuất lương thực, thực phẩm chưa thực sự bền vững; tổ chức sản xuất nông nghiệp chậm được đổi mới; cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ sản xuất còn nhiều yếu kém; quản lý sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu còn bất cập; thu nhập của người sản xuất còn thấp.

An ninh lương thực là vấn đề trọng đại của đất nước trước mắt cũng như lâu dài, để khắc phục hạn chế yếu kém trên đây, Chính phủ ban hành Nghị quyết về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia với nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Vấn đề an ninh lương thực quốc gia phải nằm trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, gắn với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân là quan trọng, góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

2. Phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, hiệu quả là cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; gắn sản xuất với các hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu lương thực thực phẩm trong mọi tình huống; nâng cao dinh dưỡng, cải thiện chất lượng bữa ăn của nhân dân.

3. Phát huy lợi thế về cây lúa là chính và phát triển lương thực, thực phẩm thành các vùng sản xuất hàng hoá có hiệu quả và sức cạnh tranh cao; đẩy mạnh cơ giới hoá, chế biến, bảo quản theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và bảo vệ môi trường bền vững

4. Tổ chức tốt hệ thống mua, bán và dự trữ ở các vùng miền, tạo thuận lợi cho mọi người dân tiếp cận dễ dàng về lương thực, thực phẩm với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Giải quyết hài hoà giữa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu lương thực, thực phẩm.

5. Phát huy nguồn lực của nhân dân và các thành phần kinh tế là chính, nhà nước hỗ trợ tích cực trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; bảo đảm thu nhập cho người sản xuất lương thực và tạo điều kiện cho các địa phương thuận nông phát triển.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải đảm bảo đủ nguồn cung cấp lương thực với sản lượng cao hơn tốc độ tăng dân số; chấm dứt tình trạng thiếu đói lương thực, nâng cao chất lượng bữa ăn; bảo đảm cho nông dân sản xuất lúa có lãi bình quân trên 30% so với giá thành sản xuất.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đảm bảo nguồn cung lương thực

Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, tạo nguồn cung vững chắc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài.

Đến năm 2020, bảo vệ quỹ đất lúa 3,8 triệu ha để có sản lượng 41 - 43 triệu tấn lúa đáp ứng tổng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo/năm; tăng diện tích trồng ngô lên 1,3 triệu ha, sản lượng 7,5 triệu tấn; diện tích trồng cây ăn quả 1,2 triệu ha, sản lượng 12 triệu tấn; rau các loại 1,2 triệu ha, sản lượng 20 triệu tấn; sản lượng các loại cây màu tăng trên 30%; chăn nuôi đạt sản lượng thịt hơi các loại 8 triệu tấn, sữa tươi 1 triệu tấn, trứng gia cầm 14 tỷ quả; sản lượng khai thác thủy sản 2,4 triệu tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 4 triệu tấn.

b) Đảm bảo nhu cầu về dinh dưỡng

Đến năm 2020, cải thiện tình trạng dinh dưỡng hướng tới cân đối dinh dưỡng và nâng cao mức tiêu thụ calo bình quân hàng ngày lên 2.600 - 2.700 Kcalo/người và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 5%.

Cải thiện cơ cấu và chất lượng tiêu dùng lương thực, đạt mức tiêu thụ bình quân/người vào năm 2020: gạo giảm xuống còn 100 kg, thịt các loại 45 kg, cá các loại 30 kg, quả các loại 50 kg, rau các loại 120 kg, tăng mức tiêu dùng trứng, sữa gấp 2 lần so với hiện nay. Toàn bộ nông sản, lương thực tiêu thụ trên thị trường đạt chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm.

c) Đảm bảo khả năng tiếp cận lương thực của người dân

Chấm dứt tình trạng thiếu đói lương thực vào năm 2012. Sau năm 2012 đảm bảo 100% người dân ở mọi nơi, mọi lúc có đủ lương thực.

Đảm bảo thu nhập cho người sản xuất lương thực đến năm 2020 cao hơn 2,5 lần so với hiện nay.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về quy hoạch

a) Quy hoạch chung

Quy hoạch sản xuất lương thực cả nước trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước; chú trọng quy hoạch các vùng sản xuất lương thực có sản lượng lớn về lúa gạo, ngô, rau đậu, cây ăn quả, sản phẩm thủy sản và chăn nuôi để đảm bảo thực hiện các mục tiêu về an ninh lương thực quốc gia.

Việc quy hoạch sản xuất lương thực phải đảm bảo cân đối các lĩnh vực để đảm bảo phát triển bền vững và có hiệu quả kinh tế cao; không mâu thuẫn giữa quy hoạch sản xuất nhiên liệu sinh học với quy hoạch sản xuất lương thực.

b) Quy hoạch đất lúa

Quy hoạch đất lúa phải đảm bảo sự thống nhất và phù hợp về quy mô và địa bàn bố trí đất lúa với quy hoạch sử dụng đất trên phạm vi toàn quốc.

Để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 diện tích đất lúa cần phải giữ là: 3,8 triệu ha, trong đó: 3,2 triệu ha đất lúa sản xuất hai vụ trở lên, có thủy lợi hoàn chỉnh.

Diện tích đất lúa cần giữ, bảo vệ nghiêm ngặt phải được xác định cụ thể đến từng địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã) và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất lúa đến hộ sử dụng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc quy hoạch chi tiết quỹ đất trồng lúa theo định hướng nêu trên, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào quý II năm 2010.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với các Bộ: Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải và Bộ ngành có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất của các ngành, trong đó xác định rõ nhu cầu sử dụng đất từ chuyển đổi đất lúa theo nguyên tắc sử dụng tiết kiệm đất lúa.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở quy hoạch đất lúa cả nước được phê duyệt, xác định diện tích đất lúa cần giữ trên địa bàn, nhất là đất lúa hai vụ cần được bảo vệ nghiêm ngặt, lập bản đồ sử dụng đất lúa đến cấp xã và hộ sử dụng. Thời gian hoàn thành trong quý IV năm 2011.

2. Về phát triển cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ

a) Phát triển cơ sở hạ tầng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tập trung chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ:

- Tiếp tục đầu tư, xây dựng mới và tu bổ hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 100% đất lúa hai vụ và tăng diện tích có tưới đối với rau, màu, cây ăn quả. Ưu tiên đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phục vụ cho nuôi trồng thủy sản; công trình thủy lợi nhỏ ở miền núi.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê điều hiện có; sớm triển khai các dự án đầu tư hệ thống đê biển, bảo vệ sản xuất, tài sản của Nhà nước và nhân dân; chuẩn bị đối phó với tình trạng nước biển dâng.

- Đối với những vùng sản xuất lương thực tập trung, hoàn thiện hệ thống thủy lợi kết hợp với kiến thiết lại đồng ruộng và xây dựng giao thông nội đồng, tạo điều kiện thuận lợi áp dụng khoa học, kỹ thuật, cơ giới hóa và nâng cao hiệu quả sản xuất hàng hóa.

- Khẩn trương hoàn thành việc đầu tư, xây dựng hệ thống kho dự trữ, bảo quản lương thực ở các vùng sản xuất, đối với lúa gạo đảm bảo năng lực tồn trữ đạt 4 triệu tấn; phát triển các cơ sở chế biến lương thực sử dụng công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng nông sản.

b) Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ưu tiên phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực sau:

- Tăng cường năng lực cho nghiên cứu khoa học, khuyến nông, thông tin và hợp tác quốc tế liên quan đến an ninh lương thực; ngân sách nhà nước hàng năm đầu tư cho lĩnh vực này tăng 10 - 15%.

- Chọn tạo và sản xuất đủ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, đặc biệt các giống cây trồng có khả năng chống chịu với điều kiện không thuận lợi như kháng mặn, hạn, chịu ngập, giống cây trồng biến đổi gen để phục vụ nhu cầu sản xuất.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến. Đối với cây lúa, thúc đẩy nhanh cơ giới hóa khâu thu hoạch để giảm thất thoát, đến năm 2020 thực hiện thu hoạch bằng máy đạt 50%, trong đó khu vực đồng bằng sông Cửu Long đạt 80%, chủ yếu sử dụng máy gặt đập liên hợp có tính năng kỹ thuật cao.

- Xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, các vùng sản xuất tập trung áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), phát triển kinh tế vườn.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đối với các cơ sở bảo quản, chế biến.

- Tăng cường đầu tư trang bị phương tiện và công nghệ hiện đại, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ đánh bắt có hiệu quả. Quy hoạch, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi, trước hết là thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản; áp dụng rộng rãi các quy trình công nghệ sinh sản nhân tạo; xây dựng hệ thống thú y thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống, thức ăn, môi trường nuôi; hiện đại hóa các cơ sở chế biến, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Khẩn trương triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng có ảnh hưởng đến an ninh lương thực.

3. Đào tạo nguồn nhân lực

Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội, Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai có hiệu quả Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, cần tập trung:

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến nông và cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh lương thực các cấp; đưa nội dung an ninh lương thực quốc gia vào các trường học.

- Tăng cường đào tạo nông dân về khoa học kỹ thuật và kiến thức quản lý theo phương thức phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất lương thực và tăng thu nhập, đến năm 2020 đạt 50% người sản xuất lương thực đã qua đào tạo.

4. Chính sách đối với nông dân, địa phương và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh lúa gạo

a) Khuyến khích nông dân giữ đất lúa

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người sản xuất lúa gạo, đảm bảo người sản xuất lúa gạo có lãi trên 30% so với giá thành sản xuất.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng nghị định về chính sách quản lý đất lúa, trình Chính phủ trong quý II năm 2010.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nông dân xây dựng ruộng bậc thang ở miền núi.

b) Khuyến khích địa phương giữ đất lúa

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước theo hướng: tăng đầu tư phát triển cho khu vực nông nghiệp, nông thôn; điều tiết phân bổ ngân sách nhà nước đảm bảo lợi ích giữa các địa phương có điều kiện phát triển công nghiệp với các địa phương thuần nông, nhất là chuyên trồng lúa.

c) Khuyến khích doanh nghiệp tiêu thụ lúa

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương triển khai dự án đầu tư xây dựng kho chứa lúa gạo, đến năm 2012 phải hoàn thành việc đầu tư xây dựng kho chứa 4 triệu tấn đã được quy hoạch. Cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng kho thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 48 /NQ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ lúa, gạo do nhà nước giao trong trường hợp giá lúa xuống thấp dưới giá thành, trình Thủ tướng Chính phủ trong quý I năm 2009.

d) Chính sách xã hội liên quan đến an ninh lương thực

Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai có hiệu quả các biện pháp kiểm soát tốc độ gia tăng dân số theo Chiến lược dân số Việt Nam.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ gạo cho người dân vùng bị thiếu đói do ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai và đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách trợ cấp gạo cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở miền núi trồng rừng thay thế nương rẫy trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý II năm 2010.

5. Hoàn thiện hệ thống lưu thông, xuất khẩu lương thực

Phát triển hệ thống lưu thông lương thực tạo điều kiện mọi người tiêu dùng có khả năng tiếp cận thuận lợi lương thực trong mọi tình huống.

Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất mức hợp lý lượng lúa gạo dự trữ quốc gia và lượng lúa gạo dự trữ lưu thông để đề phòng thiên tai và bình ổn thị trường; sớm hoàn thành đề án bảo hiểm nông nghiệp, trước mắt bảo hiểm sản xuất lúa gạo, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý I năm 2010.

Bộ Công Thương chủ trì xây dựng cơ chế điều hành xuất khẩu lương thực, thực phẩm linh hoạt, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả xuất khẩu và tiêu thụ hết nông sản lương thực, thực phẩm; kết hợp tốt giữa dự trữ lưu thông và dự trữ nhà nước để bảo đảm yêu cầu cứu trợ lương thực, thực phẩm trong trường hợp khẩn cấp.

Các Tổng công ty Nhà nước có vai trò chủ lực trong việc tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, điều hòa, bình ổn thị trường, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân khi bị thiên tai.

6. Đổi mới tổ chức sản xuất

Tiếp tục hoàn thiện các loại hình tổ chức sản xuất lương thực theo hướng liên kết nông hộ để hình thành các tổ chức hợp tác, hợp tác xã theo địa bàn hoặc sản phẩm; tạo điều kiện gắn sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ; phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp sản xuất lương thực, nông dân góp cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất để tham gia doanh nghiệp; phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ đề án phát triển mô hình liên kết sản xuất giữa hộ nông dân với các thành phần kinh tế ở nông thôn (trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp, khoa học, thương mại, hiệp hội ngành hàng), trước mắt thí điểm triển khai trong sản xuất lúa gạo.

7. Phát triển hệ thống thông tin an ninh lương thực

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Kiện toàn và tăng cường hệ thống giám sát, theo dõi diễn biến sản xuất, dự báo sản lượng lương thực đối với cả nước và từng địa phương đến cấp huyện, cảnh báo diễn biến bất lợi thời tiết tác động tới an ninh lương thực để có các giải pháp ứng phó kịp thời có hiệu quả;

- Hoàn thiện hệ thống thông tin và dự báo thị trường lương thực trong nước và quốc tế

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về an ninh lương thực quốc gia.

8. Hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác quốc tế đặc biệt đối với các lĩnh vực mang tính khu vực và toàn cầu ảnh hưởng đến an ninh lương thực quốc gia như sử dụng nguồn nước, biến đổi khí hậu, kiểm dịch và vệ sinh động thực vật...; hợp tác về đào tạo nhân lực và phát triển khoa học công nghệ, thúc đẩy thương mại.

- Việt Nam cam kết đóng góp tích cực cho mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực của thế giới.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ nghiên cứu đề xuất việc thành lập Ủy ban an ninh lương thực quốc gia, trình Chính phủ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức các hoạt động cụ thể, hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện, hướng dẫn kiểm tra, giám sát và định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện an ninh lương thực quốc gia.

3. Các Bộ, ngành theo chức năng nhiệm vụ triển khai thực hiện các lĩnh vực phụ trách có liên quan đến đảm bảo an ninh lương thực theo nội dung của Nghị quyết này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành xây dựng và phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất lương thực theo ngành trên địa bàn; quản lý chặt chẽ quỹ đất sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa được quy hoạch; thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Nhà nước về sản xuất, tiêu thụ lương thực, bổ sung cơ chế chính sách của địa phương cho phù hợp với điều kiện thực tế; khuyến khích phát triển sản xuất góp phần đảm bảo an ninh lương thực trong phạm vi cả nước trong mọi tình huống./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). M **240**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng